

ĐI HỌC

TUỔI 50

Nguyễn Đình Mạnh

Khi nghe tôi ghi danh đi học, có vài bạn cho rằng tôi đã ở vào tuổi 50, tuổi xấp xỉ cuối đời, học hành nữa làm chi cho cực xác, cực thân. Học xong, đầu tóc sửa soạn hai mẫu, “sức mấy” mà bắt được “job ngon job tốt”. Tôi không biết phải trả lời sao cho các bạn bè cảm thông. Đôi khi, có nhiều chuyện không nói ra lại hay hơn. May mắn cho tôi, má bấy trẻ và các con tôi lại đồng tình hưởng ứng và hết sức khuyến khích tôi trở lại con đường học vấn.

Trước ngày chánh thức vào lớp khoảng vài tuần lễ, tôi đi dự một buổi “workshop” (xin tạm dịch là buổi “tọa đàm”) để biết những gì phải chuẩn bị cho khóa học. Sau buổi nói chuyện, bà Counsellor chờ cho đến khi chỉ còn lại mình tôi, bà tũm tũm cười... hỏi:

- Xin lỗi, hình như ông khá lớn tuổi thì phải?
- Dạ, còn ít tháng nữa tôi chẵn 50 tuổi.
- Nếu ông không phiền thì cho tôi hỏi, ông đã gần 50 tuổi thì còn đi học để làm gì?
- Thưa bà, vì thích học để nâng cao thêm kiến thức, nên tôi trở lại học đường. Nhất là để biết rộng văn hóa Úc và hội nhập vào đời sống ở Úc cho hoàn hảo, chu đáo hơn.
- Vâng. Thế ông có nghĩ, khi ngồi học chung với lớp trẻ, lanh lẹ, ông có thể theo kịp với họ và ông có cảm thấy ngại ngùng (complex) không?

- Thưa bà, tôi không mấy ngại ngùng khi phải học chung với lớp sinh viên trẻ. Tôi sẽ cố gắng, quyết tâm theo kịp họ.
- Thế thì ông phải cố gắng nhiều lắm. Tôi hy vọng ông sẽ thành công.
- Xin cảm ơn bà.

Ít tuần sau tôi lại phải tham dự một buổi “workshop” khác với một ông Thầy, mà tôi được biết, Ông sẽ dạy nhiều môn chánh trong suốt khóa học. Ông thầy này lại kiêm nhiệm thêm chức vụ “Liasion Officer” của ngành tôi theo học. Ông có vẻ “chăng cao tuổi” lắm, nhưng đạo mạo, Ông dặn, sau buổi “workshop”, Ông muốn nói chuyện với tôi đôi điều.

Sau buổi thảo luận, tôi ngồi lại tại chỗ chờ ông. Lúc sau Ông Thầy tiến tới, thân mật hỏi:

- Ông có hiểu được những gì chúng ta thảo luận vừa qua không?
- Thưa thầy tôi hiểu.
- Xin lỗi, tôi thấy trong hồ sơ cá nhân của ông, tuổi ông đã khá lớn. Vậy, nếu thầy không phiền thì cho tôi hỏi: Việc học này có liên quan đến việc làm của ông sau khi tốt nghiệp không?
- Thưa thầy, không.
- Thế thì ông học để làm gì, nếu không áp dụng sau này?
- Thưa thầy, không phải vậy. Thật sự việc học của tôi chẳng liên quan gì đến công việc. Sau này thì tôi chưa biết? Vả lại, tôi đang sinh sống tại Úc nên tôi muốn học để trau dồi văn hóa, cách sống và làm việc như một người Úc.

Ông Thầy tũm tũm cười như tán đồng:

- Thế thì cũng được. Nhưng ông có biết rằng khóa học này hơi khó không? Nhất là cho những người lớn tuổi như ông. Vì kinh tế là một ngành học có thể nói là khó nuốt. Tôi e rằng khi học tới những môn học có áp dụng những công thức, những tính toán, liệu ông có theo kịp không?

- Thưa thầy, tôi sẽ cố gắng thật nhiều để đạt được kết quả.

Ông Thầy không còn nét nghiêm trang mà thân mật tươi cười bắt tay từ biệt với lời khích lệ:

- Tôi hy vọng rằng ông sẽ không bỏ cuộc nửa chừng. Hãy luôn cố gắng để đi tới đích... Tôi rất mong...
- Xin cảm ơn Thầy.

Thế rồi tôi ít nhiều hồi hộp với buổi học đầu của năm đầu tiên. Mặc dù đã chuẩn bị tâm lý cho việc trở lại học đường, nhưng vừa bước qua cửa lớp, một nỗi bỡ ngỡ, dù chỉ trong chốc lát, đã phủ chụp lên tôi. Lớp học đông nghẹt. Có khoảng trên dưới sáu mươi sinh viên. Đa số trẻ măng, nói chung lớp tuổi con tôi. Có một vài người có lẽ hơn hai mươi nhưng không qua khỏi hai mươi lăm. Tôi chọn một chỗ trống, ngồi cạnh một anh chàng. Thật may, anh này cũng là lớp người quá tuổi sinh viên, kém tôi năm, bảy tuổi. Do gần ngang tuổi nhau, chúng tôi dễ dàng bắt chuyện và sau này qua sáu năm theo học, chúng tôi là đôi bạn thân. Khóa học này chiếm trọn bốn năm học “full time”; nếu học “part time”, phải kéo dài hết sáu năm.

Ba giờ học đầu tiên thật nặng nề rồi cũng qua. Tôi nói nặng nề bởi vì qua ba giờ học này, tôi chẳng “bắt” được bài giảng của Ông thầy là bao nhiêu. Mặc cho Ông hăng say giảng dạy, nhiều lắm tôi chỉ hấp thụ được không tới hai phần mười bài giảng (*Thầy giảng mời Thầy chịu khó nghe*). Trong khi bọn trẻ có vẻ thích thú, đôi khi không khí nhộn nhịp tươi vui.

Hai giờ học kế thì tôi không hiểu nổi cá tính của Thầy. Ông giảng bài như một cái “máy hát” (xin lỗi thầy!). Sau khi vào đúng chỗ, Ông hỏi: “Tất cả các anh chị ổn định chưa? Chúng ta bắt đầu”.

Nói xong, ông cất giọng giảng bài với một giọng đều đều liên tu bất tận. Âm lượng và tốc độ nhịp nhàng không thay đổi. Khi ông chấm dứt bài giảng thì cũng vừa đúng hết giờ học. Tôi nghĩ, nếu cô, cậu sinh viên nào đó đêm qua thiếu ngủ, sáng nay ngồi nghe Ông giảng bài chắc dễ dàng

rơi vào giấc ngủ triền miên. Bởi vậy, sau này bọn sinh viên trẻ đã đặt cho Thầy một biệt danh là “Ông Thầy gây mê”. Có một vài anh nhác học, đến lớp biết là giờ của “thầy gây mê” thì chuồn ra quán cà phê ngồi, chờ hết giờ của “Thầy gây mê” mới trở lại lớp. Chỉ khi nào bắt buộc phải làm bài “test” hoặc buổi học có liên quan đến việc thi cuối học kỳ, mấy anh này mới buộc trở lại lớp. Kết quả, sau hai giờ học với thầy này, thu hoạch của tôi kém hơn ba giờ học đầu tiên rất nhiều.

Nhưng, điều tệ hại hơn nữa cho tôi là những buổi đi nghe giảng của các “guest’s speaking”. Nếu gặp được ông “guest” là người Anh hoặc Úc thì còn đỡ. Hôm nào gặp mấy ông “guest” người ở các quốc gia không đặt ngôn ngữ Anh là chính, bọn trẻ nghe còn chưa thông, thì đối với tôi coi như “đi đoong”.

Ở cấp Đại học, “take note” bài giảng của các thầy rất ư là quan trọng. Nhưng với tôi, giỏi lắm chỉ được khoảng hai phần mười bài giảng của thầy là nhiều. Vì thế, tôi rất “lệt bệt” trong việc học. Một hôm, anh bạn trung niên học chung với tôi đến lớp trễ, một cô bé bỗng xà vào ngồi kế bên tôi. Thấy cô bé “take note” bài giảng của thầy chỉ chít cả chục trang giấy mà tôi thấy thèm. Sau giờ học, cô bé quay qua thấy quyển “take note” của tôi lừa thừa một trang giấy chưa đầy, cô ta có vẻ ngạc nhiên. Sau khi biết rõ tình trạng của tôi, cô bé đề nghị sẽ cho tôi chụp sao lại những bài “take note” của cô để giúp tôi học. Thật là một “cái phao” cứu nguy, trong năm học đầu của tôi. Kỷ niệm này, tôi nhớ hoài...

Đặc biệt, có một Bà Thầy dạy môn “Preparatory Studies”. Đại khái, môn này dạy cho biết cách hành văn và luật lệ cho các bài “report” và “essay” ở cấp Đại Học. Cách viết kế hoạch, nghị trình, thuyết trình và phương cách thuyết trình trước cử tọa v.v... Thấy chú sinh viên già, biết chú chậm hiểu, Bà có vẻ “chăm sóc” tôi hơi kỹ. Bà phán rằng: “nếu đọc một đoạn văn mà phải dò tự điển ba bốn lần trở lên là quá kém! Rất khó cho sự hội nhập lời giảng của các giáo sư”, mà tôi lại rơi vào thảm cảnh này. Bà khuyên tôi

nên ghi danh vào lớp phụ giảng Anh văn được viện đại học mở ra giúp cho các sinh viên yếu sinh ngữ. Thế là, mỗi tuần tôi phải “kéo” thêm hai buổi Anh văn, ngoài chương trình học chính.

Nhờ vào học lớp này, tôi mới biết rằng khác với những gì tôi đã bỏ nhiều năm theo học ở các trường TAFE. Ở đây, những chủ từ như “tôi”, “chúng tôi” và các “thành ngữ” nên tránh trong các câu văn. Những động từ kép nên thay thế bằng những động từ đơn để câu văn súc tích hơn. Tránh dùng những câu văn có tính khẳng định; vì thế, những câu văn ở thể “passive voice” rất ưa dùng. Nhất là giới từ, liên từ và trạng từ phải biết cách dùng và đặt đúng chỗ để làm rõ nghĩa cho câu văn chính. Sau này, có những bài “report” hoặc “essay” của tôi dài hàng mấy nghìn từ mà chẳng có lấy một chữ “tôi”, “chúng tôi” hoặc “thành ngữ” trong bài.

Học kỳ “đệ nhất khóa”, chu choa... thật là một vất vả kinh khủng. Nhìn lại bọn trẻ cùng lớp, trong khi chúng đi thong dong, tôi bò lê bò cang, đầu tắt mặt tối mà thu hoạch chẳng được bao nhiêu. Vào học rồi, tôi mới thấy những năm trau dồi Anh văn ở các trường TAFE hầu như thu hoạch trong đầu rất ư là... ít ỏi. Thấy tôi quá mệt với cuốn tự điển, má bấy trẻ cứ ngại, thương tôi, ra tiệm mua cho một cái máy Kim Tự Điển. Nhờ cái máy này, tôi bớt khổ hơn về việc tra từ cho các bài học. Trái lại, cái máy lại vượt quá sức... Lúc đầu, nó còn “nói” được rõ ràng giúp đắc lực trong việc phát âm từ ngữ. Nhưng năm thứ hai thì “tiếng nói” của nó bắt đầu khàn đục như lão già hết hơi, hết “sú páp”. Cuối năm thì nó “hết nói” và đến đầu năm thứ ba thì chữ của nó cũng “biến” luôn. Nhưng may mắn là cũng từ đó, bộ óc của tôi đã khá mở mang, bớt phải dùng đến tự điển.

Các con tôi “cưng bố”, thấy tôi nghe không mấy thông mà “take note” cũng chẳng mấy khá, chúng mua cho tôi một cái máy ghi âm để ghi lại bài giảng của các thầy. Nhưng lại chiếm mất thêm thời giờ của tôi khi phải nghe lại những bài giảng, hàng hai ba tiếng đồng hồ mỗi đêm. Trong khi đó, thời giờ của tôi càng thêm eo hẹp,

qua những chuyện sinh kế gia đình nên, sau đó tôi ít dùng đến nó.

Học kỳ một của năm đầu rồi cũng chấm dứt. Các môn khác còn đỡ chút ít, riêng môn “Preparatory Studies” tôi bị Bà giáo phê là “không đủ khả năng học”. Câu phê này đã làm tôi mất ngủ cả một tuần. Từ đầu năm cho đến hết học kỳ một, tôi đã cố gắng tối đa và cũng đã mấy lần tôi suýt bỏ cuộc. Có nhiều lúc ngồi học mà một bên tai xui tôi bỏ học, còn một bên lại khuyên tôi đừng. Sự dằng co này đã làm cho tôi đôi lúc cảm thấy mệt mỏi, kiệt sức. Những lúc như vậy, vợ và các con tôi lại bảo nhau đoàn kết hết lòng khuyến khích tôi. Nhờ vậy, mà tôi ráng qua được học kỳ một. Bây giờ Bà giáo lại “phê” một câu chua chát như vậy thì tôi nên tính sao đây!!!!???

Sau một tuần dằng co suy nghĩ, tôi quyết định, quyết tâm không bỏ cuộc. Mình phải có quyết tâm và đặt nặng chữ nhẫn thì mới thành công. Sau khi đã có quyết tâm, tôi “rà” lại tất cả việc học vừa qua. Để xác định những điểm mạnh và yếu của mình, tôi lấy một tờ giấy trắng kẻ một đường dọc thẳng ở giữa chia tờ giấy ra làm hai phần. Bên trái tôi ghi những điểm yếu và bên phải là những điểm mạnh. Những điểm mạnh thì tôi không quan tâm lắm vào lúc bấy giờ. Tuy nhiên có thể củng cố và phát triển thêm sau này. Còn từng điểm yếu, tôi kê ra hai giòng để suy nghĩ thật cặn kẽ: một, là tại sao và hai, cách khắc phục. Cứ như thế sau hai ngày tôi đã liệt kê ra được gần hai trang giấy lý do và cách khắc phục những điểm yếu của tôi. Sau đó, tôi vào thư viện tìm đọc những cuốn sách hướng dẫn phương cách học cho có kết quả. Sau khi nghiền ngẫm và suy nghĩ các phương cách học, tôi mới nghiệm ra rằng:

1. Đọc và tìm hiểu thật kỹ đề bài sẽ học trước khi vào lớp:

Thường các giáo sư cho sinh viên biết trước học trình sẽ học hàng tuần trong một học kỳ cùng với các sách giáo khoa cần tham khảo. Trước khi vào lớp để nghe thầy giảng bài, tôi đọc thật kỹ

trước đề bài (topic) thầy sẽ giảng rồi suy nghĩ và tìm hiểu ý chính của từng đầu mục (headline) và tiểu mục (subheadline). Tôi cũng dùng cách gạch một đường dọc thẳng chia tờ giấy trắng ra làm hai phần. Bên trái, tôi liệt kê ra tất cả đầu mục và tiểu mục thuộc đề bài sẽ học tới. Bên phải, tôi viết ra những ý chính của từng đầu mục và tiểu mục theo sự “tạm hiểu” của tôi ngay lúc đọc bài. Nếu phần nào không hiểu, tôi để trống chờ khi vào lớp học sẽ nêu ra cho thầy giải thích. Tôi dùng cách “highlight” màu trên các đầu mục và tiểu mục để phân biệt mức độ cần phải “nắm bắt” ý nghĩa từng phần của bài học. Thí dụ như màu đỏ: hoàn toàn không hiểu, cần phải hỏi thầy ngay trong lớp học sau khi thầy đã giảng mà vẫn không hiểu; màu cam: hiểu được năm phần mười, có thể cần phải hỏi thầy hoặc thảo luận với các bạn học trong nhóm để tìm ra ý chính; và màu xanh: hiểu bài. Đến giờ vào lớp, tôi đem theo mấy trang giấy của từng đề bài mà tôi đã đọc trước, và “rà” theo nó để theo dõi thầy giảng bài theo từng bước một. Nếu hiểu thông, thì tôi ghi ý chính vào phần để trống bên phải. Nếu không hiểu nữa, tôi sẽ nhờ thầy giải đáp và ghi tiếp. Những trang giấy học như vậy đã giúp tôi hiểu thấu từng bài học và chúng là những “take note” cho tôi ôn thi những cuối học kỳ.

2. Đọc bài bằng mắt và tay:

Ở vào lứa tuổi của tôi, lứa tuổi tóc sắp đổi màu, chỉ cần đọc cao lắm hai trang giấy là đôi mắt muốn nhắm nghiền an giấc. Nhất là những lúc mỗi một sau một ngày làm việc. Nằm mà đọc sách thì chỉ một khoảng thời gian ngắn là mắt đi đàng mắt, sách chạy đàng sách. Nhẹ nhàng vào giấc mộng ngay. Sách rớt xuống đất cũng chẳng hay. Vì thế, tôi đi đến cương quyết, ngồi để đọc, không được nằm... đọc! Khi đọc sách, tôi cầm viết để dẫn mắt đọc theo từng giòng chữ. Để đầu cây viết ở dưới giòng chữ. Đầu viết đi tới đâu thì mắt “chạy” theo đó. Đọc phải luôn giữ tốc độ “chạy” của cây viết và mắt, chữ, “chạy” song song. Lúc đầu, việc đọc hơi chậm. Nhưng rồi tốc độ chạy ở cây viết và mắt càng ngày càng nhanh dần. Kết quả là tôi đọc bài nhanh

hơn trước rất nhiều mà... tránh được hai mắt “dọa” nhắm. Sau khi đọc được một đoạn, ghi vào khoảng trống kế bên đoạn văn đó, những ý chính mà tôi tạm hiểu. Sau đó, so với lời giảng của Thầy. Nếu không hiểu rõ, tôi sẽ nhờ Thầy “tái” giải thích để “nắm” chính xác ý chính.

3. Phân chia bộ óc ra nhiều ngăn để nó làm việc hữu hiệu:

Tôi chia bộ óc tôi làm ba phần, ví như chia ra làm ba ngăn tủ là: làm việc, học hành và nghỉ ngơi. Khi làm việc thì chỉ có ngăn làm việc được mở ra, hai ngăn kia phải đóng kín. Nghĩa là chỉ chú tâm vào việc làm, không nghĩ tới việc học hoặc việc gì khác. Khi học cũng vậy, chỉ có ngăn học được mở ra để chú tâm vào một việc học mà thôi. Đến khi nghỉ ngơi thì hai ngăn làm việc và học phải đóng kín và chỉ ngăn nghỉ ngơi được mở ra để cho bộ óc thật sự thanh thoi mà nghỉ ngơi, dù chỉ trong một thời gian ngắn. Thấy tôi phân định việc làm có vẻ khoa học, kể cả cho những lúc nghỉ ngơi ngắn ngủi, coi bộ má bấy trẻ rất ư là bằng lòng, thường thưởng cho những ly trái cây tươi ngọt.

Nhờ vậy, việc học của tôi càng ngày càng khá lên một cách rõ rệt. Điểm đạt được ở các bài “homework” và “assignment”, và ở các kỳ thi cuối học kỳ cứ tăng dần khiến các Ông Bà Thầy cũng cảm thấy ngạc nhiên lẫn hài lòng. Càng học lên cao tôi lại càng cảm thấy thoải mái hơn. Mặc dù càng học vào sâu, các môn học càng khó. Nhất là vào những năm cuối, việc học của tôi lại thấy nhẹ nhàng hơn nhiều so với sự vất vả ở những năm đầu. Đến cuối năm thứ năm thì tôi được xếp vào hạng “top ten” trong lớp.

Thế rồi, sáu năm học trôi qua. Tôi được tốt nghiệp với hạng khá, hơn tôi mong muốn lúc ban đầu. Tối ngày lãnh bằng, tôi thật sự thấy sung sướng và hãnh diện. Không phải sung sướng và hãnh diện vì có được một mảnh bằng ở Úc, mà là sự sung sướng và niềm hãnh diện, với quyết tâm, “tôi đã thắng tôi”. Thắng được cái bản ngã mà nếu không đấu tranh với nó cật lực thì có lẽ tôi đã bỏ cuộc; và **việc tốt nghiệp sẽ không**

có được như hôm nay. Tôi biết vợ và các con tôi cũng vui sướng và chia sẻ cùng tôi cảm nhận này.

Với tôi, có thể, - học để thỏa mãn những mong muốn, - học để khi về già mình cũng thấy có một ích lợi gì đó cho chính bản thân với mở kiến thức thu thập được, và - học để làm gương cho con cháu như muốn nhắn nhủ với chúng rằng: những gì bọn trẻ ở đây làm được thì dù lớn tuổi, cha ông chúng cũng có thể làm được nếu có **“quyết tâm và kiên nhẫn”**.

Cầm mảnh bằng trong tay, tôi thật sự biết ơn vợ tôi. Người phụ nữ đã chu toàn nhiệm vụ của một người vợ và người mẹ. Người đã quán xuyến tất cả mọi việc trong nhà để tôi an tâm học hành đến nơi đến chốn suốt sáu năm qua. Tôi cũng cảm ơn các con tôi. Bọn chúng đã hết lòng ủng hộ tôi cho đến ngày tốt nghiệp. Một lần nữa, tôi xin cảm ơn vợ và các con tôi. Cuối cùng, tôi xin cảm ơn chính tôi và không quên ngẩng mặt lên Trời... Cảm ơn Thượng Đế.

Nguyễn Đình Mạnh
(Sydney, 10-05-2005)